

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST
Ngày 20-5-2024
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Hiền

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Hải

2. Bà Phan Thị Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Lê Nguyễn Trường G, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 501/2023/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023 về “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2024/QĐST - HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số A, T, tổ A, khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số A, T, tổ A, khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Văn X chung sống và kết hôn từ năm 2006, có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Giấy chứng nhận kết hôn số 160/2006 ngày 28/11/2006.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống và cách sống dẫn đến vợ chồng không hiểu nhau, không cảm thông cho nhau, thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn quan tâm, chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau. Bà T và

ông X đã chấm dứt cuộc sống chung gần 01 năm nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn X.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Văn X không có con chung

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn: Kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông X vẫn không đến Tòa án làm việc mà không có lý do, vì thế Tòa án không thể tổ chức hòa giải để thuyết phục động viên các bên giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm để trở về đoàn tụ với nhau.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông X.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Văn X không có con chung

Về tài sản chung và nợ chung: Không ai yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Buộc bà T phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn đang cư trú tại thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ theo khoản 1

Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn”.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Qua thời gian quen biết và tìm hiểu nhau, bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Văn X tiến tới hôn nhân từ năm 2006 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Bà T và ông X đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Giấy chứng nhận kết hôn số 160/2006 ngày 28/11/2006. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông X là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình hoà giải tại Toà, bà T xác định không còn tình cảm với ông X nữa. Cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng về tính cách, quan điểm sống nên dẫn đến thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Bà T và ông X đã tự sống ly thân gần 01 năm nay. Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để vợ chồng bà T, ông X đoàn tụ nhưng ông X đều vắng mặt không có lý do, điều này chứng tỏ ông X không có thiện chí hòa giải và không mong muốn tiếp tục chung sống với bà T nữa. Riêng bà T vẫn cương quyết và có nguyện vọng được ly hôn với ông X, bà T không đồng ý đoàn tụ với ông X. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng bà T, ông X đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của bà T với ông X.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Văn X không có con chung

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T. Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Văn X.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Văn X không có con chung

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị K không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí hôn nhân gia đình: Bà Nguyễn Thị Kim T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002894 ngày 21/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ. Như vậy bà T đã nộp xong án phí .

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TX Phú Mỹ;
- Chi cục THADS TX Phú Mỹ;
- NĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Văn Thị Hiền